TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hoài L;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàn A, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp LK, xã GL, huyện Tb, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Ngũ Thị Trúc L, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 01, đường Nguyễn Trọng Cát, khu phố LD, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2018 của nguyên đơn - anh Nguyễn Hoàn A và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh A trình bày:

Anh và chị Ngũ Thị Trúc L chung sống với nhau vào ngày 11-9-2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 07-4-2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng thuê nhà trọ tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, chị L nghi ngờ lòng chung thủy của anh, vợ chồng thường gây gỗ nhau.

Tháng 6 năm 2015 anh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp LK, xã GL, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Năm 2016 anh nộp đơn ly hôn chị L, ngày 17-5-2016 anh rút đơn ly hôn. Ngày 19-8-2016 anh tiếp tục nộp đơn ly hôn. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàn A đối với chị Ngũ Thị Trúc L.

Từ ngày 09-3-2017 đến nay anh A và chị L không đoàn tụ.

Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Trúc P sinh ngày 05-02-2010 và cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 19-7-2012, chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Ngũ Thị Trúc L trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh A về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, thời gian ly thân là đúng.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do anh A không chung thủy với chị.

Chị yêu cầu được đoàn tụ với anh A. Nếu xét xử cho ly hôn thì:

Về con chung: Chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trúc P sinh ngày 05-02-2010 và cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 19-7-2012, chị yêu cầu anh cấp A cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bô luật Tó tụng Dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tó tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tó tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàn A đối với chị Ngũ Thị Trúc L.

Về con chung: Giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trúc P sinh ngày 05-02-2010 và cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 19-7-2012.

Ghi nhận anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng hai cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Ngũ Thị Trúc L vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngũ Thị Trúc L.

[2] Về hôn nhân: Anh A và chị L chung sống với nhau vào ngày 11-9-2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 07-4-2008 là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng có thời gian sống ly thân từ năm 2014 đến nay, Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàn A đối với chị Ngũ Thị Trúc L nhưng anh A và chị L vẫn không đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của anh A và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cụ thể: Anh A không quan tâm đến cuộc sống của chị L. Nay anh A yêu cầu ly hôn chị L, chị L không đồng ý ly hôn có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh A theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Trúc P sinh ngày 05-02-2010 và Nguyễn Phương N sinh ngày 19-7-2012 do chị L đang nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu Trúc P và cháu Phương N phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Anh A đồng ý giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trúc P và cháu Nguyễn Phương N, Chị L đang có nghề nghiệp ổn định, Nguyễn Trúc P có nguyện vọng được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, có cơ sở giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trúc P và cháu Nguyễn Phương N là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh A cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh A và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng theo quy định tại

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàn A được ly hôn chị Ngũ Thị Trúc L.

2. Về con chung: Giao chị Ngũ Thị Trúc L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trúc P sinh ngày 05-02-2010 và Nguyễn Phương N sinh ngày 19-7-2012.

Ghi nhận Anh Nguyễn Hoàn A cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trúc P sinh ngày 05-02-2010 và Nguyễn Phương N sinh ngày 19-7-2012 mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng từ ngày 15-10-2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hoàn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hoàn A và chị Ngũ Thị Trúc L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009959 ngày 10-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; anh Nguyễn Hoàn A còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND thị trấn Trảng Bàng
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nghện